

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ LƯƠNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2022

V/v không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Tuấn Trung.

2. Bà Bàn Thị Thu Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:**  
Ông Triệu Đức Hoàng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc Kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa:

**- Nguyên đơn:** Anh Lưu Văn Q, sinh năm 1975.

Trú tại: Xóm L, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

**- Bị đơn:** Chị Phạm Thị C, sinh năm 1984.

Trú tại: Xóm L, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, anh Lưu Văn Q trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C tìm hiểu nhau khoảng 1 năm. Được sự đồng ý của cả hai bên gia đình và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương ngày 15/12/2021 (Âm lịch), anh chị không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung

sống hạnh phúc, từ tháng 9 năm 2021 anh phát hiện chị C có quan hệ với người đàn ông khác, anh đã khuyên can nhưng chị C không thay đổi. Đến ngày 09/3/2022 anh phát hiện chị C có quan hệ với người đàn ông khác tại một nhà nghỉ tại huyện P1, tỉnh Thái Nguyên, anh và chị C sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh không còn yêu thương chị C nữa, cương quyết xin được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Văn C1, sinh ngày 15/9/2002 (Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Lưu Cẩm N, sinh ngày 12/06/2010. Trường hợp được Tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung Lưu Cẩm N. Anh không yêu cầu chị C cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Hiện anh là công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Phú Lương, thu nhập khoảng 6,5 triệu đồng trên tháng.

- Về tài sản chung: Anh chị có tạo dựng được 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích sử dụng khoảng 100m<sup>2</sup> xây năm 2002 trên đất mang tên anh ; 02 xe máy (01 xe Lead mua khoảng năm 2020 đăng ký tên Phạm Thị C và 01 xe Ware mua khoảng năm 2020 đăng ký tên người khác anh không nhớ, anh đã bán cho Nguyễn Văn K, sinh năm 1976. Địa chỉ : Xóm L, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên với giá 10.000.000) và 01 xe ô tô hiệu Toyota mua tháng 12 năm 2021 đăng ký mang tên anh. Các tài sản trên anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên toà, chị Phạm Thị C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q có được tìm hiểu nhau gần 2 năm. Được sự đồng ý của cả hai bên gia đình và tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương ngày 15/12/2001. Anh chị không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu. Trong cuộc sống, anh chị không có gì mâu thuẫn, anh Q không chia sẻ và quan tâm tới chị, thiếu sự tin tưởng chị. Anh Q đã nhiều lần có lời lẽ xúc phạm chị và đã đánh chị, anh Q nghi ngờ chị có quan hệ với người đàn ông khác, chị đã giải thích nhưng anh Q không nghe. Chị và anh Q đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay. Chị mong muốn anh Q suy nghĩ lại để anh chị cùng chung sống và nuôi dạy con chung, nếu anh Q cương quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý. Tại phiên toà, chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lưu Văn C1, sinh ngày 15/9/2002 (Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Lưu Cẩm N, sinh ngày 12/06/2010. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật. Hiện chị là lao động tự do thu nhập từ 7 đến 9 triệu đồng một tháng.

- Về tài sản chung: Hiện anh chị có 02 ngôi nhà xây cấp 4 (01 ngôi nhà xây năm 2003 trên đất mang tên bố đẻ anh Q ; 01 ngôi nhà xây năm 2017 trên đất mang tên anh Q). Ngoài ra anh chị không có tài sản gì chung gì khác. Về tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để anh Q và chị C được đoàn tụ, cùng nhau chung sống. Đồng thời thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng chị C vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa anh Lưu Văn Q và Phạm Thị C; Về con chung: Anh Lưu Văn Q và Phạm Thị C có 02 con chung là Lưu Văn C1, sinh ngày 15/9/2002 (Đã trưởng thành) và Lưu Cẩm N, sinh ngày 12/06/2010. Giao cháu Lưu Cẩm N, sinh ngày 12/06/2010 cho anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị C (Do anh Q không yêu cầu). Chị C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án đều có nơi cư trú tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 - Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lưu Văn Q và chị Phạm Thị C quen biết và có thời gian tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai gia đình và tổ chức cưới hỏi theo

phong tục địa phương vào ngày 15/12/2001 (Âm lịch). Nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trong cuộc sống, anh Q và chị C không quan tâm, chăm sóc nhau, Dẫn đến anh Q đã nhiều lần có lời lẽ xúc phạm, đánh chị C, ngoài ra anh Q nghi ngờ chị không chung thủy và có quan hệ với người đàn ông khác. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay. Nay anh Q không còn quan tâm và yêu thương chị C nữa, xin được ly hôn. Tại phiên tòa, anh Q cương quyết xin được ly hôn. Chị C có nguyện vọng, mong muốn anh Q suy nghĩ lại để anh, chị đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Tại Mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định về việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được thực hiện như sau:

“.....

*c) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; Nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.”*

Anh Lưu Văn Q và chị Phạm Thị C chung sống với nhau từ ngày 15/12/2001 (Âm lịch) tức ngày 27/01/2002 cho đến ngày 01/01/2003, anh Q và chị C không đăng ký kết hôn. Đến nay anh Q và chị C vẫn không đăng ký kết hôn. Do vậy, cần áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận Lưu Văn Q và chị Phạm Thị C là vợ chồng.

Đến thời điểm anh Q khởi kiện xin ly hôn với chị C, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực pháp luật, tại Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

*Điều 9: “1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*.....”*

*Điều 14: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.*

*.....”*

Với những nhận định như trên. Việc anh Q và chị C chung sống với nhau như vợ chồng kể từ ngày 15/12/2001 (Âm lịch) tức ngày 27/01/2002 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, cần tuyên bố anh Q và chị C không phải là vợ chồng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

- Về con chung: Lưu Văn Q và chị Phạm Thị C có 02 con chung là Lưu Văn C1, sinh ngày 15/9/2002 (Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Lưu Cẩm N, sinh ngày 12/06/2010. Khi ly hôn anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Lưu Cẩm N, sinh ngày 12/06/2010 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc giao con chung của anh Q và chị C cho ai là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cần phải xem xét đến điều kiện nuôi dưỡng của hai anh chị, đồng thời phải bảo đảm cho con chung của anh chị phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần. Cả anh Q và chị C đều đang ở tuổi lao động, có thu nhập, có nơi cư trú ổn định, đều có khả năng nuôi dưỡng con chung. Bên cạnh đó, còn phải xem xét đến nguyện vọng của cháu Lưu Cẩm N, sinh ngày 12/06/2010, khi anh, chị ly hôn cháu mong muốn được ở với anh Q. Do vậy, cần giao cháu Lưu Cẩm N, sinh ngày 12/06/2010 cho anh Lưu Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

Anh Lưu Văn Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với chị Phạm Thị C cho đến khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Anh Lưu Văn Q và chị Phạm Thị C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí : Anh Lưu Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Quyền kháng cáo. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp và đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 131; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, 56 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Văn Q.

1. Về hôn nhân: Anh Lưu Văn Q và chị Phạm Thị C không phải là vợ chồng.

2. Về con chung:

- Anh Lưu Văn Q và chị Phạm Thị C có 02 con chung là Lưu Văn C1, sinh ngày 15/9/2002 và Lưu Cẩm N, sinh ngày 12/06/2010. Đối với cháu Lưu Văn C1,

sinh ngày 15/9/2002 đã đủ tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử không xem xét. Giao cháu Lưu Cẩm N, sinh ngày 12/06/2010 cho anh Q nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi (Hoặc có sự thay đổi khác).

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị C (Do anh Q không yêu cầu).

Chị C có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung:* Anh Lưu Văn Q và chị Phạm Thị C tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Anh Q phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu Tạm ứng án phí số 0003428 ngày 18/07/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

5. *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn; Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Hoàng Văn Giang**

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 143, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

### **Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Lưu Văn Q và chị Phạm Thị C là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Con chung tên Lưu Văn C1, sinh ngày 15/9/2002 (Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết). Giao con chung Lưu Cẩm N, sinh ngày 12/06/2010 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị C do anh Q không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào biên lai thu Tạm ứng án phí số 0003428 ngày 18/07/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Văn Giang**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Trung – Bàn Thị Thu Phương

Hoàng Văn Giang